

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 03 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư đồng Dinh Cao, thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 26/8/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Thiệu Hóa về chủ trương đầu tư Dự án Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư đồng Dinh Cao, thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa;

Xét Văn bản số 11386/STNMT-BVMT ngày 26/12/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư đồng Dinh Cao, thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1137/Tr-STNMT ngày 28/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư đồng Dinh Cao, thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa (sau đây gọi là dự án) của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Chính (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư đồng Dinh Cao, thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa của Ủy ban nhân dân xã Thiệu Chính thực hiện tại xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

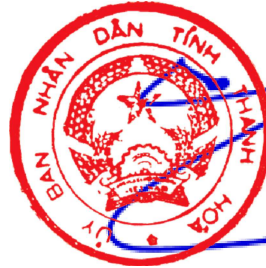
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Thiệu Hóa, Chủ tịch UBND xã Thiệu Chính và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (đề b/c);
- UBND xã Thiệu Chính;
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư đồng Dinh Cao, thôn Dân
Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của
 Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Dự án Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư đồng Dinh Cao, thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa
- Địa điểm thực hiện: tại thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa
- Chủ dự án đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Thiệu Chính
- + Người đại diện: Lê Đình Dinh
- + Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Thiệu Chính
- + Địa chỉ: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Phạm vi: Dự án Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư đồng Dinh Cao, thôn Dân Chính, xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa thuộc địa phận xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa.

Khu đất thực hiện dự án có vị trí tương đối được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp đất thủy lợi;
- Phía Nam giáp đất canh tác nông nghiệp;
- Phía Đông giáp khu dân cư hiện có;
- Phía Tây giáp đất canh tác nông nghiệp;
- Quy mô: Đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật bao gồm các hạng mục: Giao thông, cấp nước, thoát nước và hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng hoàn chỉnh với tổng diện tích 3368,56 m²; bao gồm các hạng mục: Giải phóng mặt bằng, san nền, giao thông, cấp nước, thoát nước và hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng, cây xanh và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật khác.
- Quy mô sử dụng đất của dự án là 3368,56 m² trong đó:
 - + Đất ở chia lô: 12 lô, với tổng diện tích 1.554,71 m²;
 - + Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật 1.687,79 m².
 - + Đất cây xanh 126,06 m².

Quy mô dân số của dự án khoảng 48 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Thi công san nền: Tận dụng đào thay đất nền đường để san nền.
- Thi công đường giao thông.
- Thi công hệ thống thoát nước mưa, nước thải.

- Thi công hệ thống cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

Các tác động chính của dự án chỉ phát sinh chủ yếu trong giai đoạn xây dựng từ các hoạt động giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, san nền, thi công đường, thi công công thoát nước, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung, ảnh hưởng đến thủy lợi...; tác động đến dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

Các tác động chính của dự án phát sinh trong giai đoạn vận hành từ các hoạt động xây dựng công trình nhà ở, sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án, giao thông đi lại trên các tuyến đường, ... Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại...; tác động đến dân cư, môi trường tự nhiên và các yếu tố xã hội khác

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt công nhân phát sinh khoảng $0,7\text{m}^3/\text{ngày}$ (bao gồm nước rửa tay chân $0,45\text{m}^3/\text{ngày}$; và nước nhà vệ sinh $0,2\text{m}^3/\text{ngày}$, nước thải nhà bếp $0,05\text{m}^3/\text{ngày}$). Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform;

- Nước thải phát sinh từ quá trình rửa lớp xe khoảng $1,5\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công có khoảng $131\text{m}^3/\text{h}$. Thành phần chủ yếu là bùn đất, rác thải,...

3.1.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Bụi và khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công dự án, bụi cuốn theo lớp xe. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

- Bụi và khí thải từ hoạt động thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật gồm: bụi từ đào đắp trên công trường, trút đổ nguyên vật liệu, thi công công trình, bụi và khí thải từ các máy móc thiết bị tiêu thụ dầu DO, bụi từ hoạt động vệ sinh móng đường cấp phối đá dăm trước khi láng nhựa, khí thải từ hoạt động

tưới nhựa dính bám và từ lớp Mặt đường bê tông nhựa trong quá trình thi công. Thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂ và VOC.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.1.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 8 kg/ngày chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...
- Chất thải từ thực vật phát quang là 2 tấn, thành phần chủ yếu là cành lá cây tươi, cỏ, gốc cây trồng.
- Chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng 62 tấn đất đá, cát và 4 tấn vật liệu xây dựng khác (sắt, vải vụn, nhựa, ván gỗ); chất thải vỏ bao bì xi măng 0,2 tấn.

3.1.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

- Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh khoảng 15,0 kg/giai đoạn thi công, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, pin, bóng đèn neon.
- Khối lượng dầu thải từ các phương tiện thi công dự án tối đa tại công trường tối đa 20lít/lần sửa chữa.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung:

Tác động do tiếng ồn, độ rung từ hoạt động thi công và vận chuyển ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân xây dựng và dân cư khu vực lân cận. Các tác động do tiếng ồn diễn ra không liên tục trong thời gian thi công dự án.

3.2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải:

3.2.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt người dân phát sinh khoảng 4,4m³/ngày (bao gồm nước tắm rửa 2,2m³/ngày.đêm, nước nhà vệ sinh 0,9m³/ngày.đêm và nước thải nhà bếp 1,3m³/ngày.đêm). Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...
- Nước mưa chảy tràn tại khu vực dự án khoảng 523m³/h. Thành phần chủ yếu là đất, cát, rác thải,...

3.2.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

- Bụi từ quá trình thi công các công trình nhà ở phát sinh không lớn, không liên tục, chỉ tác động trong phạm vi xây dựng.
- Mùi thức ăn phát sinh tại các bếp hộ gia đình ngoài ra có bụi và khí SO₂, CO, NO₂ do sử dụng nhiên liệu gas. Phạm vi tác động nhỏ, mức độ không lớn.
- Các hơi khí độc hại như H₂S; NH₃; CH₄... phát sinh từ các công trình xử lý nước thải (cống rãnh thoát nước thải), khu tập kết chất thải rắn. ảnh hưởng trong phạm vi khu vực các công trình xử lý môi trường, mức độ thấp.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường:

- Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh giai đoạn vận hành mỗi ngày 44 kg/ngày, gồm các chất hữu cơ dễ phân huỷ 26,4 kg/ngày; chất thải có thể tái chế 4,4kg/ngày; các chất thải có thể cháy 6,6kg/ngày; các chất thải khác 6,4kg/ngày; Chất thải rắn nguy hại 0,2kg/ngày.

- Chất thải từ bùn cặn từ hệ thống thu gom và thoát nước tối đa là 8m³/năm.

3.2.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại khoảng 0,2kg/ngày phát sinh trong quá trình sinh hoạt của người dân, thành phần: pin, vỏ chai lọ hóa chất diệt côn trùng, bóng đèn neon,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a. Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình thi công, chủ dự án và nhà thầu thi công sẽ tìm nhà dân có đủ công trình từ hoại và công trình thoát nước để thỏa thuận thuê. (dự kiến thuê nhà dân gần dự án). Nước thải nhà vệ sinh 0,2 m³/ngày được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn của hộ dân thuê làm lán trại. Nước thải nhà bếp 0,05 m³/ngày được xử lý bằng bể tách mỡ của hộ dân thuê làm lán trại, sau đó thoát ra mương thoát nước chung của khu vực. Nước thải tắm giặt 0,45 m³/ngày được xử lý bằng bể lắng của hộ dân thuê làm lán trại, sau đó thoát ra mương thoát nước chung của khu vực.

b. Các biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

Nước thải từ quá trình vệ sinh thiết bị với lưu lượng 1,5m³/ngày, được thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 3m³ để chứa và lắng nước thải vệ sinh máy móc, thiết bị thi công. Nước thải sau khi lắng được tái sử dụng để vệ sinh thiết bị và phun ẩm chống bụi khu vực công trường.

c. Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu (đá, cát, xi măng, sắt thép...) phục vụ quá trình thi công xây dựng phải che chắn bằng bạt.

- Không để vật liệu xây dựng, vật liệu độc hại, dầu mỡ và chất thải nguy hại do các phương tiện vận chuyển và thi công gây ra, không để rò rỉ ra môi trường.

- Chất thải sinh hoạt và các chất thải được lưu chứa trong các dụng cụ lưu chứa, không xả rác ra mặt đất khu vực công trường, để tránh rác thải cồn trôi theo nước mưa chảy tràn.

- Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm có kích thước là Rộng x Sâu=50 x 50cm dọc theo chiều dài khu đất, khoảng cách giữa các rãnh tạm là 30m. Trên các rãnh tạm bố trí các hố ga tạm kích thước 1x1x1m để lắng bùn đất, khoảng cách giữa các hố ga 30m/hố ga.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Lắp dựng hàng rào tôn cao 2,5m dài 30m khu vực tiếp giáp dân cư hiện trạng. Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công trên công trường với số lượng 2 bộ/người/năm.

- Tưới ẩm khu vực thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên liệu từ dự án đến đoạn qua khu dân cư phía Tây và tuyến đường liên thôn.

- Tần xuất tưới ẩm chống bụi 4 lần/ngày và thực hiện bổ sung khi bụi phát sinh nhiều.

- Thi công đúng kỹ thuật, san gạt lu lèn ngay sau khi trút đổ vật liệu san nền. Vận chuyển nguyên vật liệu trên các xe có bạt che phủ, chở đúng tải trọng quy định, tuân thủ tốc độ di chuyển trên các tuyến đường.

- Khi thi công trong quá trình đào đắp, trút đổ vật liệu nếu quá khô phát sinh nhiều bụi, sẽ thực hiện tưới ẩm để dập bụi.

- Các phương tiện máy móc thi công trong dự án đảm bảo được kiểm định đúng quy định và bảo dưỡng thường xuyên. Tuân thủ chế độ đăng kiểm theo quy định, việc sử dụng các phương tiện và máy móc đảm bảo còn niên hạn.

- Bố trí khu vực rửa xe máy và thiết bị thi công dự án trước khi ra khỏi khu vực công trường tại khu vực cổng ra vào công trường. Khu rửa xe được bố trí với diện tích 40m², được bê tông hóa mặt nền, có rãnh thoát nước và bể chứa nước rửa xe, bể lắng nước vệ sinh phương tiện. Xe vận chuyển đất và vật liệu xây dựng từ công trường trước khi ra khỏi công trường được xịt quả sạch lốp xe và bùn đất dính bên ngoài xe nếu có.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- Trang bị và sử dụng 3 thùng đựng rác 20 lít gồm: 1 thùng màu xanh, 1 thùng màu vàng và 1 thùng màu trắng. Thùng đựng rác có nắp đậy che chắn, tránh mưa, nắng và không bị động vật xâm phạm. Đặt 3 thùng tại khu lán trại công nhân để chứa chất thải sinh hoạt phát sinh hàng ngày trên khu vực công trường.

- Chất thải rắn sinh hoạt giai đoạn thi công được phân loại thành 3 loại là: chất thải có thể tái chế, chất thải hữu cơ dễ phân hủy và chất thải khác.

- Hợp đồng với Tổ thu gom rác thải sinh hoạt địa phương vận chuyển xử lý với tần suất 1 - 3 ngày/lần.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

b. Đối với chất thải rắn xây dựng:

- Chất thải từ quá trình thu dọn thực vật cho các hộ dân tận dụng làm thức ăn gia súc, phần còn lại thuê Tổ thu gom rác thải sinh hoạt địa phương vận chuyển xử lý.

- Vật liệu xây dựng rơi vãi được thu gom tái sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng dự án.

- Vụn sắt, thép, bao bì xi măng, nhựa, được thu gom tận dụng hoặc bán phế liệu.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Hợp đồng với cơ sở bảo dưỡng để thay dầu và bảo dưỡng thiết bị, phương tiện tại cơ sở cung cấp dịch vụ.

- Trang bị 2 thùng nhựa coposite loại 20 lít/thùng có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định, đặt tại kho tạm trên công trường để thu gom lưu giữ chất thải rắn nguy hại theo quy định.

- Trang bị 1 can nhựa loại 30 lít có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại theo quy định, đặt tại kho tạm trên công trường để thu gom lưu giữ chất thải lỏng nguy hại theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại sau khi kết thúc thi công.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế vận hành những máy móc thiết bị đồng thời để giảm tiếng ồn, độ rung cộng hưởng, nhất là vị trí gần các khu vực nhạy cảm.

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi di chuyển trong công trường không quá 5km/h.

- Không tiến hành thi công vào khoảng thời gian từ 22 giờ ÷ 6 giờ ngày hôm sau và 11 giờ ÷ 13 giờ.

- Công nhân thi công tại các vị trí có tiếng ồn lớn, vận hành các thiết bị có độ ồn cao sẽ được trang bị nút tai chống ồn.

- Sử dụng đệm cóc để thi công các vị trí tiếp giáp các công trình nhà dân, không sử dụng lu máy, lu rung.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành.

4.2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án trong giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hộ gia đình được thu gom xử lý tại chỗ đạt QCVN 14: 2008/BTNMT cột B trước khi thải ra mương thoát nước thải của dự án. Mỗi hộ gia đình xây dựng 01 bể tự hoại cải tiến BASTAF với kích thước (1,5m*1,5m*2,0m) tổng thể tích 4,5m³ để xử lý nước thải nhà vệ sinh của hộ gia đình. Lắp đặt 01 thiết bị tách mỡ thể tích 50lít để xử lý thải nhà bếp của hộ gia đình.

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại các hộ gia đình được đầu nối vào hệ thống mương thoát nước thải của dự án và tháo ra mương thoát nước dọc đường nội đồng phía Đông khu đất dự án.

- Nước mưa chảy tràn thu gom qua hệ thống mương thoát nước mưa của dự án và kết nối với hệ thống thoát nước mưa chung khu vực theo quy hoạch.

4.2.1.2. Đối với giảm thiểu bụi và khí thải:

- Chính quyền địa phương quản lý xây dựng theo đúng quy định về trật tự xây dựng đô thị.

- Xây dựng và thực hiện các hương ước, quy ước về vệ sinh môi trường khu dân cư.

- Vận động người dân thực hiện nếp sống văn minh đô thị, giữ gìn vệ sinh môi trường xanh- sạch - đẹp.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại thu gom và phân loại và chuyển giao cho đơn vị thu gom như sau:

- Các hộ gia đình trong dự án có trách nhiệm phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại gia đình thành các loại như sau:

+ Chất thải rắn sinh hoạt dễ phân hủy phân loại và thu gom vào thùng (hoặc túi) màu xanh và chuyển giao cho đơn vị thu gom để vận chuyển xử lý 1 ngày/lần.

+ Chất thải rắn có thể tái chế được phân loại và bán hoặc chuyển giao cho cá nhân, đơn vị thu mua.

+ Chất thải khác phân loại và thu gom vào thùng (hoặc túi) màu vàng và chuyển giao cho đơn vị thu gom để vận chuyển xử lý 3 ngày/lần.

+ Không xả rác thải ra môi trường, chuyển giao rác đúng giờ quy định.

+ Nộp phí rác thải sinh hoạt đúng quy định.

- UBND xã Thiệu Chính có trách nhiệm tổ chức hoặc thuê các đơn vị tổ chức dịch vụ thu gom chất thải sinh hoạt cho khu vực dự án. Kiểm tra, nhắc nhở, xử lý các hành vi không tuân thủ quy định môi trường khu vực dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

4.2.3. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại

- UBND xã Thiệu Chính căn cứ điều kiện thực tế ở địa phương để bố trí thùng chứa, khu vực lưu chứa CTNH phát sinh trong khu vực dự án và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo Kế hoạch chung của huyện .

- Các hộ gia đình trong dự án thực hiện phân loại chất thải thải nguy hại và không xả thải cùng chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải nguy hại phát sinh được thải bỏ vào thùng chứa CTNH đã trang bị của dự án.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định hiện hành liên quan khác về bảo vệ môi trường.

Các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Tên công trình	Thông số	Số lượng
I. Giai đoạn thi công		
Hàng rào tôn khu vực tiếp giáp dân cư	Cao 2,5m, dài 30m	1 hệ thống
Xe phun tưới nước	Thể tích 5m ³	1 xe
Bơm nước chống bụi	Công suất 750w	1 bơm
Bể lắng nước thải vệ sinh thiết bị	Thể tích 3m ³	1 bể
Thùng chứa chất thải sinh hoạt	Thể tích 20 lít	4 thùng
Thùng chứa CT nguy hại	Thể tích 20 lít	2 thùng
Can chứa CT nguy hại	Thể tích 30 lít	1 can
Bình bột PCCC	Loại 4kg	2 bình

II. Giai đoạn vận hành		
Hệ thống mương thoát nước mưa	Tổng chiều dài 276m	1 hệ thống
Hệ thống thoát nước thải	Tổng chiều dài 223m	1 hệ thống
Bể tự hoại BASTAF tại các hộ gia đình	Thể tích 4,5m ³	11 bể
Hệ thống thu gom vận chuyển CTR	Toàn khu vực	1 hệ thống
Thùng chứa CTR nguy hại	Thể tích 120 lít	1 thùng

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.